

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 06-9-2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Trang

Bà Nguyễn Thị Thùy Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 214/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, về việc: “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

*** Bị đơn:** Chị Dương Thị U, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Hoàng T trình bày: Nguyên vào đầu năm 2017, anh và chị Dương Thị U tự nguyện tìm hiểu, quen biết tiến đến hôn nhân, có tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/6/2017 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà riêng của vợ ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận được hai năm thì đôi bên nhận ra không còn phù hợp với nhau trong đời sống vợ chồng nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi; dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị U.

-Con chung: quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn chị Dương Thị U nhưng chị U vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Lê Hoàng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Dương Thị U vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Dương Thị U được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị U

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017, anh Lê Hoàng T và chị Dương Thị U kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã UBND xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/6/2017. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị U là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, anh T cho rằng vợ chồng hòa thuận được hai năm thì đôi bên nhận ra không còn phù hợp với nhau trong đời sống vợ chồng nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau.

Chị U đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị U đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, xét việc anh T yêu cầu ly hôn với chị U là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoàng T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Lê Hoàng T được ly hôn với chị Dương Thị U.

2/ Về con chung: anh T và chị U không có con chung.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: anh Lê Hoàng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0007202 ngày 15 tháng 6 năm 2022, anh T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKSND huyện MT;
- THADS huyện MT;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám